TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/DS-ST.
Ngày: 26-02-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hùng Phong

Ông Thạch Na Rết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1/ CÔNG TY CỔ PHẦN M

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B T, phường Y, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Lê Vĩnh N hoặc/và ông Đoàn Trung H hoặc/và ông Vưu Chí T hoặc/và ông Nguyễn Công T1 (Đều vắng mặt) là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 06/9/2025.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng A, số E, đường T, phường C, thành phố Cần Thơ.

2/ NGÂN HÀNG TMCP V

Địa chỉ: Số H L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Lê Vĩnh N, ông Đặng Minh T2 (Đều vắng mặt) là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 05/9/2025

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng C, số E, đường T, phường C, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: **Ông Phạm Ngọc S**, sinh ngày 27/12/2000 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: ……., cấp ngày 24/04/2021.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, Thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Kim Y, sinh ngày 25/05/2004. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: ……, cấp ngày 23/04/2021

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 11/9/2025, quá trình tố tụng cũng như người đại diện hợp pháp nguyên đơn Công Ty Cổ Phần M ông Đoàn Trung H trình bày:

Theo hợp đồng mua bán nợ số 31/2025/VPB-JUPITER ngày 27/06/2025 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng V1) với Công ty cổ phần M thì Ngân hàng V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua các khoản nợ của khách hàng vay là ông Phạm Ngọc S, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Phạm Ngọc S đã ký kết với Ngân hàng V1. Thông tin khoản nợ cụ thể như sau:

Theo hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024, ông Phạm Ngọc S vay vốn tại Ngân hàng V1 số tiền 849.000.000 đồng (Tám trăm bốn mươi chín triệu đồng), thời hạn vay 96 tháng, mục đích sử dụng vốn thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI, Custin cao cấp, 2.0T, AT sản xuất mới 100%, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 6,9%.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Custin cao cấp, 2.0T, AT, biển đăng ký: 95A-130.60 có số khung RLUD581KBRN003147, số máy G4NNRW605736 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại Ngân hàng V1 theo hợp đồng thế chấp số LN2409303880389 ngày 12/10/2024 được ký kết giữa Ngân hàng V1 và ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y. Tài sản thế chấp được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận số 1559257458, có hiệu lực ngày 18/10/2024 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phạm Ngọc S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 15/3/2025 toàn bộ khoản nợ của ông S đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Theo hợp đồng mua bán nợ số 31/2025/VPB-JUPITER ngày 27/06/2025 và phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M thì Ngân hàng V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay ông Phạm Ngọc S cụ thể: một phần 95% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty cổ phần M kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng V1 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời Ngân hàng V1 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty cổ phần M.

Quá trình xử lý khoản vay, Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M tuy nhiên ông S không thực hiện. Tính đến ngày 26/02/2026, ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y còn nợ Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M nợ gốc là 813.624.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.292.119 đồng, nợ lãi quá hạn là 107.698.381 đồng và nợ lãi chậm trả là 410.397 đồng, tổng cộng nợ là 926.024.898 đồng. Trong đó nợ Ngân hàng V1 (5%) là 46.301.245 đồng trong đó nợ gốc là 40.681.200 đồng, nợ lãi trong hạn là 214.606 đồng, nợ lãi quá hạn là 5.384.919 đồng và nợ lãi chậm trả là 20.520 đồng và nợ Công ty cổ phần M (95%) là 879.723.653 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.077.513 đồng, nợ lãi quá hạn là 102.313.462 đồng và nợ lãi chậm trả là 389.877 đồng.

Vì các lẽ trên, Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1 đồng khởi kiện ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1 kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các nội dung sau:

a. Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/02/2026 tổng số tiền là **879.723.653 đồng,** trong đó nợ gốc là 772.942.800 đồng, nợ lãi là 106.780.853 đồng.

b. Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y phải thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/02/2026 tổng số tiền là **46.301.245 đồng,** trong đó nợ gốc là 40.681.200 đồng, nợ lãi là 5.620.045 đồng.

c. Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

d. Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1 thì Công ty Cổ phần M và/hoặc Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo

đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ phần M và/hoặc Ngân hàng V1, cụ thể như sau:

Xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Custin Cao cấp, 2.0T, AT, Biển số đăng ký: 95A-130.60, có số khung: RLUD581KBRN003147, số máy: G4NNRW605736 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y.

Số tiền thu được từ việc kê biên phát mãi tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

e. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ, Công ty Cổ phần M và/hoặc Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M và/hoặc Ngân hàng V1 đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

f. Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y phải chịu án phí và các chi phí tố tụng liên quan (nếu có).

2/ Bị đơn ông Phạm Ngọc S trình bày:

Quá trình tố tụng Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, văn bản tố tụng cho người đại diện hợp pháp của bị đơn nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Y trình bày:

Quá trình tố tụng Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1. Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y trả cho Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1, cụ thể:

a. Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/02/2026 tổng số tiền là

879.723.653 đồng, trong đó nợ gốc là 772.942.800 đồng, nợ lãi là 106.780.853 đồng.

b. Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y phải thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/02/2026 tổng số tiền là **46.301.245 đồng,** trong đó nợ gốc là 40.681.200 đồng, nợ lãi là 5.620.045 đồng.

Đồng thời tiếp tục trả lãi suất quá hạn kể từ ngày 27/02/2026 đến khi thanh toán xong cho công ty và Ngân hàng theo hợp đồng cho vay ngày 12/10/2024 tương ứng với tỷ lệ % của các nguyên đơn.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn vắng mặt không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện tình trạng tài sản bảo đảm. Theo Hợp đồng thế chấp lập số LN2409303880389 ngày 12/10/2024 được ký kết giữa Ngân hàng V1 và ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y thì ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y đã dùng tài sản của mình là chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Custin Cao cấp, 2.0T, AT, Biển số đăng ký: 95A-130.60, có số khung: RLUD581KBRN003147, số máy: G4NNRW605736 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y thế chấp cho Ngân hàng V1 để đảm bảo khoản vay, các bên đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định. Do đó, Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y giao lại tài sản bảo đảm nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y không thanh toán nợ đúng hạn thì Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Đồng thời, theo Hợp đồng thế chấp các bên có thỏa thuận nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y cũng phải có trách nhiệm trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Công ty Cổ phần M và Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc S, địa chỉ cư trú tại ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ để yêu cầu trả nợ tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Việc vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty Cổ phần M yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Y phải liên đới trả tiền vay còn nợ đến ngày 26/02/2026 tổng số tiền là 879.723.653 đồng, trong đó nợ gốc là 772.942.800 đồng, nợ lãi là 106.780.853 đồng và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 27/02/2026 đến khi thanh toán xong trên tỷ lệ 95% số nợ. Ngân hàng V1 yêu cầu bị đơn ông Phạm Ngọc S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim Y phải liên đới trả tiền vay còn nợ đến ngày 26/02/2026 tổng số tiền 46.301.245 đồng, trong đó nợ gốc là 40.681.200 đồng, nợ lãi là 5.620.045 đồng và tiền lãi quá hạn kể từ ngày 27/02/2026 đến khi thanh toán xong trên tỷ lệ 05% số nợ. Ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024 giữa Ngân hàng V1 và ông Phạm Ngọc S được ký kết trên sự tự nguyện thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp theo quy định. Nội dung hợp đồng tín dụng thể hiện Ngân hàng V1 đã chuyển khoản cho bên thụ hưởng là thanh toán số tiền cho ông S và bà Y mua chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI, Custin Cao cấp, 2.0T, AT, sản xuất mới 100%, số tiền giải ngân cho ông S vay là 849.000.000 đồng, lãi suất 6,9%/năm có điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận ông S sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng V1 hàng tháng vào ngày 15 của tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay thì bên ông Phạm Ngọc S đã thanh toán cho Ngân hàng V1 35.376.000 đồng nợ gốc và nợ lãi phát sinh, kể từ ngày 15/3/2025 ông S ngừng thanh toán nợ cho Ngân hàng V1 nên Ngân hàng V1 đã chấm dứt Hợp đồng cho vay, chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/3/2025.

[3.2] Theo hợp đồng mua bán nợ số 31/2025/VPB-JUPITER ngày 27/06/2025 và phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M thì Ngân hàng V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay ông Phạm Ngọc S cụ thể: một phần 95% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024; Ngân hàng V1 còn là chủ nợ của ông Phạm Ngọc S với tỷ lệ 5% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024. Hợp đồng mua bán nợ có hiệu lực từ ngày 27/06/2025.

[3.3] Cho nên Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y trả số nợ tín dụng đến ngày 26/02/2026 tổng cộng 926.024.898 đồng gồm vốn gốc là 813.624.000 đồng và nợ lãi là 112.400.898 đồng có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 100, Điều 103 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2024 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn vắng mặt không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện tình trạng tài sản thế chấp. Theo Hợp đồng thế chấp lập số LN2409303880389 ngày 12/10/2024 được ký

kết giữa Ngân hàng V1 và ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y thì ông Phạm Ngọc S, bà Trần Kim Y đã dùng tài sản của mình là chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Custin Cao cấp, 2.0T, AT, Biển số đăng ký: 95A-130.60, có số khung: RLUD581KBRN003147, số máy: G4NNRW605736 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y thế chấp cho Ngân hàng V1 để đảm bảo khoản vay, các bên đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định.

Theo hợp đồng mua bán nợ số 31/2025/VPB-JUPITER ngày 27/06/2025 và phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng V1 và Công ty cổ phần M thì Ngân hàng V1 đồng ý bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay ông Phạm Ngọc S cụ thể: một phần 95% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024; Ngân hàng V1 còn là chủ nợ của ông Phạm Ngọc S với tỷ lệ 5% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024. Hợp đồng mua bán nợ có hiệu lực từ ngày 27/06/2025. Tại Điều 4 của hợp đồng mua bán nợ các bên có thỏa thuận trong trường hợp tài sản bảo đảm được xử lý thì số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm sẽ được phân chia theo tỷ lệ dư nợ.

Do đó, Công ty cổ phần M và/hoặc Ngân hàng V1 cùng có quyền yêu cầu ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y giao lại tài sản bảo đảm nếu đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy khi ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y không thanh toán nợ đúng hạn thì Công ty cổ phần M và/hoặc Ngân hàng V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Đồng thời, theo Hợp đồng thế chấp các bên có thỏa thuận nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y cũng phải có trách nhiệm trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng V1 và/hoặc Công ty Cổ phần M. Nên yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của các nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1 được chấp nhận nên các nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.085.671 đồng theo biên lai thu số 0012511 ngày 17/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y phải liên đới chịu án phí số tiền 39.781.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Áp dụng Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y trả nợ và xử lý tài sản thế chấp.

2/ Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tổng cộng là 46.301.245 đồng (Bốn mươi sáu triệu, ba trăm lẻ một nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng) trong đó nợ gốc là 40.681.200 đồng và nợ lãi đến ngày 26/02/2026 là 5.620.045 đồng.

3/ Buộc ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty cổ phần M số tiền tổng cộng là 879.723.653 đồng (T3 trăm bảy mươi chín triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 772.942.800 đồng và nợ lãi đến ngày 26/02/2026 là 106.780.853 đồng.

4/ Kể từ ngày 27/02/2026 ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số LN2409303880389 ngày 12/10/2024 cho Ngân hàng TMCP V (tỷ lệ 5%) và Công ty cổ phần M (tỷ lệ 95%) đến khi ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y thanh toán xong khoản nợ.

5/ Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP V (tỷ lệ 5%) và Công ty cổ phần M (tỷ lệ 95%) thì Ngân hàng TMCP V và/hoặc Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi, xử lý tài sản thế chấp là một chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, Custin Cao cấp, 2.0T, AT, Biển số đăng ký: 95A-130.60, có số khung: RLUD581KBRN003147, số máy: G4NNRW605736 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản thuê không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y cũng phải có trách nhiệm

tiếp tục thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M.

6/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.085.671 đồng (Mười chín triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm bảy mươi mốt đồng) theo biên lai thu số 0012511 ngày 17/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

+ Ông Phạm Ngọc S và bà Trần Kim Y cùng có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí số tiền 39.781.000 đồng (Mười ba chín triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng).

7/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

8/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng